

THÔNG TƯ

CỦA LIÊN BỘ BỘ TÀI CHÍNH- LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI SỐ
05/LB-TCĐTBXH NGÀY 16 THÁNG 1 NĂM 1996. HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VỀ
ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC CÓ THỜI HẠN Ở NƯỚC NGOÀI THEO NGHỊ SỞ
07/CP NGÀY 20/1/1995 CỦA CHÍNH PHỦ.

Căn cứ Nghị định số 07/CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, liên Bộ Tài chính - Lao động và Xã hội hướng dẫn cụ thể một số chế độ tài chính như sau:

A- CÁC QUI ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ

I- TIỀN ĐẶT CỌC:

1/ Đối với người lao động:

Người lao động phải nộp cho tổ chức kinh tế đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài một khoản tiền đặt cọc nhằm bảo đảm thực hiện hợp đồng.

2/ Đối với tổ chức kinh tế:

Thu và quản lý tiền đặt cọc của người lao động, có thể thực hiện một lần hoặc trích dần từ tiền lương hàng tháng và được hạch toán là khoản "phải trả" để đảm bảo hoàn trả đúng hạn.

Mức và thể thức đặt cọc do tổ chức kinh tế và người lao động thỏa thuận, nhưng không quá tiền một lượt vé máy bay đưa người lao động từ Việt Nam đến nơi làm việc ở nước ngoài và phải được ghi rõ trong hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài mà người lao động ký với tổ chức kinh tế đưa đi.

Trong vòng 1 tháng kể từ ngày người lao động hoàn thành hợp đồng về nước hoặc do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không gây thiệt hại về kinh tế cho tổ chức kinh tế thì tổ chức kinh tế phải hoàn trả lại cho người lao động khoản tiền đặt cọc cộng với lãi tiền gửi không kỳ hạn theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Trường hợp người lao động vi phạm hợp đồng lao động, gây thiệt hại về kinh tế cho tổ chức kinh tế thì tổ chức kinh tế được quyền khấu trừ tiền đặt cọc và lãi tiền gửi (nếu có) của người lao động theo đúng chế độ bồi thường vật chất, nhưng phải thông báo công khai cho người lao động biết rõ lý do và mức phải trừ.

Sau khi kết thúc hợp đồng lao động, nếu người lao động chưa về nước thì chưa được nhận lại tiền đặt cọc, tổ chức kinh tế có trách nhiệm tiếp tục quản lý khoản tiền này theo quy định tại phần A, mục I, điểm 2 để chờ xử lý theo pháp luật hiện hành của Nhà nước.

II- BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Trong thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH) của nước đến làm việc theo thỏa thuận cụ thể ghi trong hợp đồng, đây là một trong những điều kiện mà tổ chức kinh tế khi ký kết hợp đồng với bên sử dụng lao động nước ngoài phải đạt được nhằm bảo đảm quyền lợi cho người lao động từ khi họ làm thủ tục xuất cảnh rời khỏi Việt Nam đến khi họ hoàn thành hợp đồng trở về nước.

2. Trong thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động phải đóng bảo hiểm xã hội cho bảo hiểm xã hội Việt Nam để được hưởng các chế độ hưu trí, tử tuất.

Mức BHXH tạm thời thực hiện hàng tháng bằng 15% của 2 lần tiền lương tối thiểu do Chính phủ Việt Nam quy định cho từng thời kỳ.

3. Tổ chức kinh tế có trách nhiệm khi trả lương hàng tháng cho người lao động thì trích lại tiền bảo hiểm xã hội và hạch toán riêng khoản đóng bảo hiểm xã hội của từng người lao động để có cơ sở ghi vào sổ bảo hiểm xã hội theo quy định của cơ quan bảo hiểm xã hội Việt Nam. Trường hợp người lao động không lĩnh lương hàng tháng, hoặc việc chi trả lương không thông qua tổ chức kinh tế thì việc thu BHXH thực hiện với các hình thức thích hợp theo thỏa thuận giữa người lao động và tổ chức kinh tế cho cả hợp đồng.

III. PHÍ DỊCH VỤ

1/ Đối với tổ chức kinh tế:

Phí dịch vụ là doanh thu để tính thuế dịch vụ công ích của tổ chức kinh tế và dùng để chi phí cho bộ máy hoạt động cung ứng lao động; chi phí tuyển chọn; khám sức khỏe; bồi dưỡng và kiểm tra tay nghề, bồi dưỡng ngoại ngữ; giáo dục tập huấn trước khi đi; quản lý lao động ở trong và ngoài nước; làm các thủ tục hồ sơ từ cấp huyện (quận) trở lên có liên quan đến xuất cảnh và nhập cảnh, chuyển trả người lao động về cơ sở trước khi đi.

Tổ chức kinh tế đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài được phép thu của người lao động một khoản phí dịch vụ tối đa không quá 12% thu nhập theo hợp đồng mà bên sử dụng lao động trả cho người lao động không bao gồm tiền ăn, ở và tiền bảo hiểm tại chỗ trong thời gian làm việc ở nước ngoài. Trong từng hợp đồng cụ thể, nếu thu nhập có tính cả chi phí ăn, ở và tiền bảo hiểm trong thời gian làm việc ở nước ngoài thì phí dịch vụ mà tổ chức kinh tế được phép thu tối đa không quá 8% thu nhập đó.

Tỷ lệ thu phí dịch vụ của tổ chức kinh tế được trích sau khi trừ khỏi thu nhập hàng tháng các khoản sau đây:

- Tiền vé máy bay 1 lượt hoặc khứ hồi từ Việt nam đến nước làm việc mà hợp đồng ghi rõ là người lao động phải chịu, giá vé được xác định theo giá đã mua với hành trình hợp lý(không bao gồm cước hành lý).

- Các khoản phải nộp cho nước đến làm việc theo luật nước đó(nếu có).

Các khoản được tính trừ khỏi thu nhập hàng tháng để thu phí dịch vụ nói trên được xác định bằng cách lấy tổng giá trị tính trừ chia đều cho số tháng của cả thời gian làm việc ghi trong hợp đồng.

Ngoài khoản phí dịch vụ nói trên, tổ chức kinh tế không được thu thêm bất kỳ một khoản phí nào khác của người lao động.

Nhằm tăng cường trách nhiệm của người lao động, khi đến đăng ký xin đi làm việc ở nước ngoài, tổ chức kinh tế được phép tạm thu trước một khoản chi phí bảo đảm vừa đủ cho các nội dung công việc sau đây (mức thu không quá 1 triệu đồng Việt nam):

- Khám tuyển sức khỏe theo mức qui định của Bộ y tế .

- Kiểm tra ngoại ngữ, tay nghề (kể cả kinh phí phải bồi dưỡng, đào tạo lại theo yêu cầu của hợp đồng lao động) với mức chi theo qui định của Bộ giáo dục.

- Các chi phí có liên quan đến làm hồ sơ, thủ tục xuất cảnh từ khâu huyện, quận trở lên cho người lao động.

- Các chi phí có liên quan đến tập huấn, huấn luyện trước khi đi.

Khoản chi phí đã tạm thu trước của người lao động nói trên, tổ chức kinh tế có trách nhiệm hoàn trả lại khi ký hợp đồng chính thức với người lao động trước khi họ đi ra nước ngoài (theo qui định tại mục II, điểm 2, tiết c thông tư hướng dẫn số 20/LĐTBXH ngày 3-8-1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Trường hợp không thực hiện được hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài, nếu do người lao động (không có nhu cầu nữa, hoặc không đủ các điều kiện qui định trong hợp đồng) thì người lao động phải chịu phần chi phí tính theo từng nội dung công việc cụ thể mà tổ chức kinh tế đã thực hiện; nếu hợp đồng không thực hiện được do tổ chức kinh tế thì tổ chức kinh tế phải chịu chi phí và hoàn trả lại ngay số tiền đã tạm thu cho người lao động.

2/ Đối với người lao động:

- Có nghĩa vụ nộp phí dịch vụ hàng tháng đồng thời với mỗi kỳ lương cho tổ chức kinh tế theo mức qui định tại mục 1 trên đây.

- Trong trường hợp người lao động không thực hiện lĩnh lương hàng tháng hoặc tổ chức kinh tế không có điều kiện thu phí dịch vụ do người lao động nhận lương trực tiếp từ bên thuê lao động ở nước ngoài, thì người lao động có trách nhiệm thực hiện nộp phí dịch vụ theo phương thức đã thỏa thuận giữa người lao động và tổ chức kinh tế.

IV-THUẾ THU NHẬP CAO:

Người lao động có trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân theo qui định tại Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ngày 19/5/1994, Nghị định số 05/CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn số 27TC/TCT ngày 30/3/1995 của Bộ Tài chính.

Đối với các cá nhân làm việc tại các nước đã ký Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với Việt nam thì thực hiện theo các nội dung của Hiệp định ký với từng nước cụ thể và công văn hướng dẫn thực hiện Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần số 1664TCT/HTQT ngày 11/10/1994 của Tổng cục thuế-Bộ Tài chính.

1/ Thu nhập chịu thuế: Do tính chất đặc thù của đối tượng nộp thuế thu nhập cao là người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo từng hợp đồng cụ thể, nên thu nhập chịu thuế thu nhập cao được xác định như sau:

A. Thu nhập thuộc diện chịu thuế là thu nhập được ghi rõ trong hợp đồng mà bên sử dụng lao động ở nước ngoài chỉ trả hàng tháng toàn bộ tiền lương cho người lao động để họ tự lo liệu các chi phí về ăn, ở, đi lại, tiền bảo hiểm và các chi phí khác trong suốt thời gian làm việc theo hợp đồng. Trường hợp bên sử dụng lao động chỉ đảm bảo một phần chi phí về ăn, ở, đi lại và BHXH, thì phần chi phí còn lại được tính trừ khỏi thu nhập ghi trong hợp đồng để tính thu nhập đồng theo quy định tại điểm b dưới đây.

B. Nếu theo hợp đồng mà bên sử dụng lao động chỉ trả cho người lao động một phần tiền lương (thu nhập ròng) không bao gồm chi phí về ăn, ở và tiền bảo hiểm trong thời gian làm việc ở nước ngoài thì các khoản chi phí này được ấn định bằng số tiền thu nhập ròng (hay nói cách khác bằng khoảng 50% tổng thu nhập) để tính tổng thu nhập chịu thuế.

C. Các khoản được tính trừ để xác định thu nhập chịu thuế là các khoản được tính trừ khỏi thu nhập hàng tháng khi tính phí dịch vụ qui định tại mục III điểm 1 của thông tư này (không trừ thuế thu nhập cao đã nộp ở nước đến làm việc, nếu có) .

D. Trong các hợp đồng lao động với nước ngoài thì thu nhập hàng tháng của người lao động được ổn định cho cả hợp đồng, do đó thu nhập hàng tháng chính là thu nhập chịu thuế bình quân các tháng trong năm.

2/ Thuế xuất thuế thu nhập cao:

Theo điều 10 mục 2 của Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ngày 19/5/1994 thì người lao động Việt nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài thực hiện theo biểu thuế lũy tiến từng phần và thuế thu nhập được tính toán theo bảng hướng dẫn sau:

Bậc	Thu nhập bình quân tháng/người	Thuế xuất	Số thuế phải nộp
1	Đến 5.000	0%	0
2	Trên 5.000 đến 12.000	10%	TNCT x 10% - 500
3	Trên 12.000 đến 30.000	20%	TNCT x 20% - 1.700
4	Trên 30.000 đến 50.000	30%	TNCT x 30% - 4.7000
5	Trên 50.000 đến 70.000	40%	TNCT x 40% - 9.700
6	Trên 70.000	50%	TNCT x 50% - 16.700

Trong đó TNCT: Thu nhập chịu thuế

(x): Dấu nhân

(-): Dấu trừ

3/Ví dụ tính thu nhập thuế và thuế thu nhập cao:

A. Ví dụ 1:

Chuyên gia y tế Nguyễn văn A đi làm việc tại Angola thời hạn 3 năm, trong hợp đồng lao động mà anh A đã ký ghi rõ tổng thu nhập là 1.000 USD/tháng. Các chuyên gia Việt nam phải tự túc tiền vé máy bay cả hai lượt đi và về là 1.600 USD và phải chịu chi phí về ăn, ở, đi lại, bảo hiểm.v.v... Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Thu nhập thuế và thuế thu nhập cao đối với anh Nguyễn Văn A được tính như sau:

- Tiền vé máy bay phân bổ đều hàng tháng theo thời hạn hợp đồng là:

1.600 USD: 36 tháng = 44.44 USD/tháng

- Thu nhập để tính thuế là:

$$1.000 \text{ USD} - 44,44 \text{ USD} = 955,56 \text{ USD/tháng}$$

Quy tiền đồng Việt nam theo tỉ giá 11.000 đ/USD là: 10.511.160 đ/tháng

- Thuế thu nhập cao 1 tháng là:

$$10.511.160 \text{ đ} \times 10 \% - 500.000 \text{ đ} = 551.116 \text{ đ} \text{ tương đương } 50,10 \text{ USD} (551.116:11.000)$$

Đối với Angola là nước chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần, nhưng nếu người lao động xuất trình được chứng từ nộp thuế thu nhập hàng tháng ở nước đó giả định là 30 USD (quy tiền VN theo tỷ giá 11.000đ/USD là 330.000đ) thì số thuế còn phải nộp ở Việt nam là 221.116 đ (551.116 - 330.000 đ). Trường hợp thuế giả định đã nộp ở nước ngoài cao hơn mức thuế phải nộp trong nước (50,10 USD) thì người lao động thì được miễn thuế thu nhập cao ở Việt nam.

B. Ví dụ 2:

Anh Trần Văn B ký hợp đồng lao động đi làm việc tại nước X với thời hạn 1 năm, trong hợp đồng ghi rõ người lao động được trả thu nhập ròng hàng tháng là 350 USD và bên được sử dụng lao động bảo đảm cho các chi phí về tiền ăn, ở và tiền bảo hiểm trong thời gian làm việc theo hợp đồng.

Thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập cao đối với anh B được tính như sau:

-Thu nhập chịu thuế nói ở điểm 1, tiết b mục này là: $350 \text{ USD} + 350 \text{ USD} = 700 \text{ USD/tháng}$

-Anh B phải tự túc một lượt vé máy bay từ Việt nam đến nước X tính theo hành trình hợp lý là 360 USD, phân bổ cho cả hợp đồng 12 tháng là 30 USD/tháng

-Theo qui định của hợp đồng, các chi phí quản lý lao động ở nước ngoài đã bị khấu trừ từ thu nhập hàng tháng của người lao động trước khi trả thu nhập cho người lao động là: 20 USD/tháng

- Thu nhập thực tế còn lại để tính thuế là:

$$700 \text{ USD} - (30 \text{ USD} + 20 \text{ USD}) = 650 \text{ USD/tháng}$$

Quy tiền đồng Việt nam theo tỉ giá 11.000 đ/USD: 7.150.000đ/tháng

- Thuế thu nhập Anh B phải nộp 1 tháng là: $7.150.000 \text{ đ} \times 10\% - 500.000 \text{ đ} = 215.000 \text{ đ}$ tương đương 19,5 USD (215.000: 11.000).

Đối với nước X, là nước đã ký Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với Việt Nam, theo điều 15, điều 23 của Hiệp định và công văn hướng dẫn thực hiện Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần số 1664 TCT/HTQT ngày 11-10-1994 của Tổng cục thuế - Bộ Tài chính thì người lao động phải nộp thuế thu nhập ở cả 2 nước. Trường hợp giả định họ đã nộp thuế thu nhập cao tại nước X là 10 USD (quy tiền đồng VN theo tỷ giá 11.000 đ/USD là 110.000 đ) và có chứng từ hoá đơn hợp lệ thì số thuế còn phải nộp tại Việt nam là 105.000 đ, nếu giả định số thuế đã nộp ở nước X cao hơn số thuế phải nộp ở trong nước (19,5 USD) thì người lao động được miễn thuế thu nhập cao ở Việt nam.

Trường hợp anh Trần Văn B được hưởng tiền lương ghi trong hợp đồng nói trên, nhưng bản thân anh B phải tự chịu chi phí hai bữa ăn sáng và tối, tự mua bảo hiểm y tế, các khoản chi phí này tại nước X là 110 USD thì thu nhập chịu thuế của anh B tính như sau:

- Thu nhập ròng của anh B là: 240 USD (350 USD - 110 USD)

- Thu nhập chịu thuế là: (240 USD + 240 USD) - (30 USD + 20 USD) = 430 USD

Qui đồng Việt nam theo tỷ giá 11.000 đ/USD là: 4.730.000 đ, theo mức thuế xuất qui định trên đây thì anh B không thuộc diện đóng thuế thu nhập cao

V - LỆ PHÍ CẤP PHÉP:

1/ Mức thu

Bộ lao động - Thương binh và xã hội được phép thu và quản lý 2 loại lệ phí: lệ phí cấp phép hoạt động và lệ phí cấp phép thực hiện hợp đồng.

Tổ chức kinh tế khi nhận giấy phép hoạt động phải nộp tiền lệ phí bằng hợp đồng Việt nam tương đương với 2.000 USD và khi nhận giấy phép thực hiện hợp đồng phải nộp tiền lệ phí bằng đồng Việt nam tương đương với 5 USD/người tính theo số lượng đã ghi trong hợp đồng cho Lao Động - Thương binh và xã hội (Cục quản lý lao động với nước ngoài).

2/ Chế độ quản lý:

Việc thu và quản lý lệ phí cấp phép được thực hiện theo đúng chế độ quản lý phí và lệ phí hiện hành của nhà nước. Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (Cục quản lý lao động với nước ngoài) lập kế hoạch chi tiêu theo các danh mục, gửi Bộ Tài chính xét duyệt và được thông báo trong kế hoạch thu chi chung hàng năm của Bộ theo hình thức ấn định tỷ lệ được trích trên tổng số lệ phí cấp phép thu được, tỷ lệ này ổn định từ 1 đến 2 năm, danh mục chi tiêu cụ thể từ nguồn thu này là:

- Chi cho công tác tổ chức thẩm định tư cách pháp nhân cũng như các điều kiện cần thiết của một Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, để có cơ sở cấp giấy phép hoạt động.

- Chi cho công tác thẩm định các hợp đồng và các điều kiện khả thi của hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, để có cơ sở căn cứ cấp giấy phép thực hiện hợp đồng.

- Các chi phí để mở thị trường mới, các hoạt động Marketing, mạng lưới cộng tác viên ở một số khu vực có nhu cầu tiếp nhận lao động Việt nam

- Các chi phí khác phát sinh cần thiết phải chi trong lĩnh vực quản lý Nhà nước đối với một ngành kinh tế đối ngoại đặc thù mà chế độ chính sách tài chính hiện hành của Nhà nước chưa lường hoá được đầy đủ.

VI- VỀ TỔ CHỨC THU NỘP BHXH, THUẾ THU NHẬP CAO VÀ PHÍ DỊCH VỤ:

1/ Tổ chức kinh tế là tổ chức uỷ nhiệm thu, phải chủ động đăng ký kê khai với cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký nộp thuế môn bài (hoặc đăng ký trụ sở cơ quan) để được hướng dẫn về thủ tục, nghiệp vụ nhằm bảo đảm thu nộp thuế theo luật định. Hàng tháng khi thực hiện chi trả lương cho người lao động, tổ chức kinh tế có trách nhiệm thu nộp tiền BHXH, thuế thu nhập cao và phí dịch vụ, trường hợp bên sử dụng lao động ở nước ngoài trực tiếp trả lương hàng tháng cho người lao động thì việc tổ chức thu nộp được thực hiện theo 1 trong các hình thức sau đây:

- Thỏa thuận với các tổ chức sử dụng lao động ở nước ngoài để hàng tháng họ trích lại 3 khoản: BHXH, thuế thu nhập cao và phí dịch vụ trước khi trả lương cho người lao động (theo mức tính toán sẵn của tổ chức kinh tế Việt nam) và chuyển nộp vào 1 Tài khoản theo qui định của tổ chức kinh tế để chuyển về nước.

- Thông qua văn phòng đại diện (hoặc cán bộ đại diện được uỷ quyền) tổ chức thu nộp hàng tháng dưới các hình thức thích hợp phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng nước và từng hợp đồng cụ thể.

2/ Do tính chất đặc thù của lĩnh vực đưa người lao động Việt nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là các nguồn thu đều phát sinh ở nước ngoài, nên tổ chức uỷ nhiệm thu là tổ chức kinh tế trực tiếp quản lý người lao động làm đầu mối tập trung nguồn thu cho nhà nước đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo luật định và được hưởng khoản thù lao uỷ nhiệm thu về thu BHXH, thuế thu nhập cao bằng 0,5% Số tiền thực thu được.

Định kỳ hàng tháng, chậm nhất là ngày 10 tháng sau, tổ chức kinh tế phải nộp số tiền đã thu được về BHXH và thuế thu nhập cao theo hướng dẫn của cơ quan BHXH và cơ quan thu thuế cùng cấp, số tiền được trích 0,5% thực hiện đồng thời với mỗi lần làm thủ tục nộp tiền.

VII- CHẾ ĐỘ BÁO CÁO:

1/ Chế độ lập phiếu theo dõi và lập chứng từ ghi sổ kế toán:

Ngoài các quy định chung về chế độ kế toán nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan tài chính, cơ quan BHXH và cơ quan thuế địa phương, với trách nhiệm là tổ chức uỷ nhiệm thu cho Nhà nước và là cơ quan quản lý trực tiếp người lao động, tổ chức kinh tế phải làm các thủ tục sau:

- Lập phiếu (hoặc sổ) theo dõi tình hình thu nhập và thu nộp hàng tháng của từng người lao động (theo mẫu số 01) để có cơ sở căn cứ đối chiếu sau khi kết thúc hợp đồng và giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động.

- Phiếu theo dõi được lập thành 02 bản: 01 bản tổ chức kinh tế giữ để lưu cùng hồ sơ của người lao động làm cơ sở căn cứ lập các báo cáo tài chính, 01 bản người lao động (hoặc người được uỷ quyền) giữ để xuất trình và ký nhận mỗi khi có liên hệ với tổ chức kinh tế.

2./ Chế độ báo cáo theo định kỳ:

- Định kỳ hàng quý tổ chức kinh tế phải nộp bản báo cáo tình hình thực hiện các khoản thu nộp (theo mẫu số 02) gửi đến Bộ tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại), Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội (Cục quản lý lao động với nước ngoài), cơ quan thuế địa phương và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Hàng năm, tổ chức kinh tế phải lập các báo cáo sau:

+Báo cáo kế hoạch năm sau trên cơ sở tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm, trong báo cáo kế hoạch có phân tích: số lượng lao động (nam, nữ), ngành nghề, nước đến làm việc, thời hạn hợp đồng, dự kiến mức lương đạt được, dự kiến thời gian lên đường của từng hợp đồng.v.v..., Trong báo cáo kế hoạch cũng đồng thời nêu các ý kiến đề xuất kiến nghị với các cấp có thẩm quyền trong lĩnh vực hợp tác lao động.

+ Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm theo 2 chỉ tiêu lao động và thu nộp theo mẫu số 04 ban hành theo thông tư số 20/LĐTBXH và mẫu số 02 của thông tư này. Các báo cáo hàng năm trên được gửi đến Bộ lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Quản lý lao động với nước ngoài), Bộ Tài chính (Vụ TCĐN), BHXH Việt Nam và cơ quan thuế địa phương. Thời hạn gửi báo cáo theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

3/ Thực hiện chế độ báo cáo theo các nội dung qui định trên đây là nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức kinh tế để thực hiện điểm 10, mục 9 Nghị định 07/CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ và coi như một trong những điều kiện để cấp tiếp các loại giấy phép cho tổ chức kinh tế đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

B. MỘT SỐ QUI ĐỊNH KHÁC

1/ Nhằm đảm bảo quyền lợi của Nhà nước, tổ chức kinh tế và người lao động, bảo đảm tính thống nhất trong việc thực hiện các chế độ chính sách tài chính, tiền lương của người lao động ghi trong hợp đồng phải là đô la Mỹ (USD) hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi khác. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, việc thanh toán, chi trả có thể thực hiện như sau:

- Loại tiền tệ trả lương hàng tháng do 2 bên ký kết thoả thuận, nhưng phải được qui đổi thành đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá Ngân hàng nhà nước của nước sở tại công bố tại thời điểm thanh toán.

- Nếu lương trả bằng bản tệ thì trong hợp đồng cần có cam kết người lao động được quyền yêu cầu Ngân hàng nước sở tại hoặc chủ thuê lao động chuyển đổi ra đô la Mỹ (USD) toàn bộ hoặc một phần tỷ lệ nhất định phù hợp với yêu cầu chi tiêu ở nước đến làm việc.

2/ Loại tiền thực hiện thu và nộp:

- Thu tiền đặt cọc của người lao động bằng đồng Việt nam hoặc bằng đô la Mỹ (USD) theo thoả thuận giữa tổ chức kinh tế và người lao động.

- Thu nộp BHXH (qui định tại mục II), thu lệ phí cấp phát (qui định tại mục V) được thực hiện bằng đồng Việt nam.

- Thu phí dịch vụ (qui định tại mục III) và thu nộp thuế thu nhập cao (qui định tại mục IV) được thực hiện bằng USD, cụ thể là:

Lấy kết quả mức thuế thu nhập cao phải nộp bằng đồng Việt nam qui lại USD (theo tỷ giá qui đổi từ USD ra đồng Việt nam để tính mức thuế phải nộp) để người lao động nộp bằng USD.

Khi thu thuế thu nhập cao cũng như phí dịch vụ bằng ngoại tệ, tổ chức kinh tế phải căn cứ tình hình thực tế được trả lương để thu: nếu lương được trả 100% bằng đô la Mỹ (USD) thì thu nộp bằng USD; nếu lương được trả có 1 phần bản tệ thì thu cả 2 loại tiền (đô la Mỹ và bản tệ tương ứng với tỷ lệ loại ngoại tệ được trả trong lương hàng tháng). Tổ chức kinh tế nộp phần thu thuế thu nhập cao bằng USD cho cơ quan thu trong nước, còn phần thu bằng bản tệ nộp vào quỹ tạm giữ NSNN tại Đại sứ quán Việt nam ở nước sở tại. Tỷ lệ thù lao được hưởng của tổ chức kinh tế trong việc thực hiện thu thuế thu nhập cao cũng theo loại tiền thực thu.

3/ Các tổ chức kinh tế đưa người lao động Việt nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức nhận thầu, khoán công trình, nhận khai thác sản xuất chia sản phẩm v.v... Thì thực hiện chế độ tài chính như sau:

- Nếu người lao động được hưởng lương bằng ngoại tệ trong thời gian làm việc ở nước ngoài như các hợp đồng lao động khác do các tổ chức kinh tế đưa đi (xuất khẩu lao động) thì thực hiện theo các qui định tại thông tư này.

- Nếu trong thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động chỉ được hưởng sinh hoạt phí (ăn, ở v.v... Đủ điều kiện để làm việc) còn một phần tiền lương và các

chế độ chính sách tài chính khác người lao động được hưởng theo luật Doanh nghiệp Việt nam ở trong nước, thì người lao động và tổ chức kinh tế thực hiện theo luật Doanh nghiệp nhà nước Việt nam.

C - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1/ Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/1996, riêng thuế thu nhập cao thực hiện từ ngày 01/6/1994, bãi bỏ thông tư Liên bộ số 05 LB - TC - LĐTBXH ngày 07/3/1992 hướng dẫn ND 370/ HĐBT, công văn số 2599/LĐTBXH ngày 25/7/1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn đối với lao động đi Hàn quốc và các văn bản khác trái với thông tư này.

Những chế độ chính sách về tài chính đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đã thực hiện trước ngày 01/01/1996, khi thực hiện thông tư này nếu tổ chức kinh tế không xử lý được thì kịp thời báo cáo liên Bộ để có ý kiến xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

2/ Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chế độ tài chính đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài qui định tại thông tư này là một trong những nhiệm vụ quan trọng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, ngành liên quan. Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện có sự vi phạm thì xử lý theo chế độ tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước Việt nam, hoặc xử lý kỷ luật hành chính, tùy theo mức độ vi phạm mà yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép đối với từng trường hợp cụ thể.

3/ Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức kinh tế phản ánh về Liên Bộ Tài chính - Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp nghiên cứu giải quyết.

MẪU SỐ 01

(Ban hành kèm theo TT Liên bộ số: 05 ngày 16/01/1996)

Tên tổ chức kinh tế:	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam
.....	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Trực thuộc Bộ, tỉnh, TP:	-----
.....	
Số phiếu:.....	

PHIẾU THEO DÕI THU NHẬP VÀ THU NỘP

(Dành cho tổ chức kinh tế và người lao động)

- Họ và tên người lao động:..... Nam, Nữ.....
- Hợp đồng lao động (số, ngày):.....
- Số hội chiếu:..... Ngày cấp:.....
- Địa chỉ thường trú ở trong nước trước khi đi:.....
- Họ và tên, địa chỉ người được uỷ quyền ở trong nước (để báo tin, nhận tiền):
.....

- Số tiền đặt cọc:.....
- Địa chỉ làm việc ở nước ngoài:.....
- Ngành nghề lao động ở nước ngoài:.....

Số TT	Khoản mục theo dõi	Năm 199...			
		T-1	T-2		T-12
	Mức lương theo hợp đồng: Các khoản phải trừ, phải nộp: - Các khoản phải nộp ở nước sở tại (nếu có) - Phí dịch vụ - Bảo hiểm xã hội - Thuế thu nhập phải nộp (nếu có) + Thuế phải nộp ở nước sở tại + Thuế phải nộp ở Việt Nam -				
3	Các khoản tạm giữ khác của người lao động (nếu có):				
4	Số tiền còn thực lĩnh hàng tháng - Ngoại tệ: - Quy đồng Việt Nam				
5	Ký nhận tiền (ghi rõ họ, tên)				

Người lao động

Tổ chức kinh tế
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú về cách lập phiếu:

- Trường hợp các khoản thu nhập, các khoản phải nộp bằng bản tệ thì quy đổi thành Dollar Mỹ (USD). Khi chi trả cho người lao động có thể bằng đồng Việt Nam.

Tỷ giá quy đổi ở từng thời kỳ phải ghi chú rõ mỗi khi lập phiếu và chi trả tiền.

- Tuy theo tình hình thực tế, tổ chức kinh tế lập phiếu theo dõi dưới dạng tờ rời hoặc đóng thành quyển (sổ) và được lưu kèm theo hồ sơ cá nhân của người lao động.

- Khi người lao động kết thúc hợp đồng về nước, tổ chức kinh tế ký xác nhận đã đối chiếu với người lao động trước khi trao phiếu (sổ) theo dõi cho họ, để làm căn cứ giải quyết chính sách, chế độ trong nước khi cần thiết.

MẪU SỐ: 02

(Ban hành kèm theo TT Liên bộ số: 05 ngày 16/01/1996)

Tổ chức kinh tế:.....

Trực thuộc Bộ, Tỉnh, TP....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NỘP HTLĐ

QUÝ..... NĂM 199..... Giấy phép thực hiện Hợp đồng		Hợp đồng		Nước đến	BHXH				Thuế thu nhập				Phí dịch vụ			Ghi Chú
Số	Ngày	Số	Ngày	Làm Việc	Số đã thu		Số đã nộp		Số đã thu		Số đã nộp		Tỷ lệ	Tổng số		
					Trong quý	Lũy kế	Trong quý	Lũy kế	Trong quý	Lũy kế	Trong quý	Lũy kế		Trong quý	Lũy kế	

Tổ chức kinh tế

(Ký tên, đóng dấu)